

Bản án số: 409/2018/HS-PT

Ngày: 20-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phan Thanh Nguyên

2/ Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong hai ngày 19 và ngày 20/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 319/2018/TLPT-HS, ngày 20/7/2018 đối với các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P và Nguyễn Bá TR do có kháng cáo của các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P và Nguyễn Bá TR đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Chu Thiết TH; Sinh năm 1985, tại tỉnh Nghệ An; Giới tính: nam; Thường trú: Thôn HV, thị trấn MP, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Chỗ ở: 25/22 CV, phường TP, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Kỹ sư; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Chu Văn D và bà Nguyễn Thị N; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Yến N và có 2 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/8/2015 đến ngày 14/8/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Chu Thiết TH: Luật sư Trịnh Bá T, thuộc Văn phòng Luật sư Trịnh Bá T, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Lê T; Sinh năm 1992, tại tỉnh Bến Tre; Giới tính: nam; Thường trú: Ấp AT, xã Tân P, huyện Y, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở trước khi bị bắt: Không có nơi ở

nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm công; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị X; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/8/2015. (Có mặt tại phiên tòa)

3/ Trần Đình P; Sinh năm 1985, tại tỉnh Quảng Nam; Giới tính: nam; Thường trú: Thôn GD, xã MD, huyện LD, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở trước khi bị bắt: Không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Trần Đình S và bà Nguyễn Thị B; Vợ Đỗ Thị T, có 2 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/8/2015. (Có mặt tại phiên tòa)

4/ Nguyễn Bá TR; Sinh năm 1986, tại tỉnh Quảng Nam; Thường trú: Thôn GD, xã MD, huyện LD, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở trước khi bị bắt: Không có nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Q và bà Ngô Thị B; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/5/2017. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá TR: Luật sư Trịnh Văn T, thuộc Văn phòng Luật sư VN, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị cáo không kháng cáo:* **Mai Anh T**, sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nam; Thường trú: 114/7/8 HTP, phường HTP, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 250/30 LV, phường HTP, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Mai L và bà Nguyễn Thị C; Vợ Lăng Thị Diễm K; có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/8/2015 – Vắng mặt tại phiên tòa.

- Trong vụ án còn có người bị hại ông Trần Tuấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phi K đều không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không có liên quan đến kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Thiết TH và Trần Tuấn H có mối quan hệ quen biết với nhau. Khoảng tháng 8/2012, cả hai cùng góp vốn để thành lập Công ty TRh nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ viễn thông Công nghệ số tại 57/13 CQT, phường Q, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), được mở tài khoản tại Ngân hàng Đông Á và do TH làm Giám đốc với vốn góp là 70%, còn H là cổ đông đồng thời là nhân viên công ty với vốn góp là 30%.

Tuy nhiên Thực tế TH và H không góp tiền mặt như vốn đăng ký.

Quá trình hoạt động TH góp số tiền 109.000.000 đồng và H góp số tiền 12.000.000 đồng để mua trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của công ty. Đến tháng 02 năm 2013, TH với danh nghĩa nắm giữ 70% vốn góp của công ty đã bán lại 30% vốn góp (tương đương 200.0000.000 đồng) cho chị Hoàng Thị Lâm D và 4% vốn góp (tương 40.000.000 đồng) cho anh Vũ Văn C. Chị D đã chuyển số tiền 200.000.000 đồng trên vào tài khoản của công ty tại Ngân hàng Đông Á, số tiền trên được sử dụng cho hoạt động kinh doanh của công ty theo thỏa thuận giữa Chị D và TH, còn 40.000.000 đồng bán cho anh Công thì TH đã trực tiếp lấy tiền.

Quá trình TH làm giám đốc điều hành công ty không có hiệu quả, đến tháng 6 năm 2013 các cổ đông công ty thống nhất bầu anh H làm Giám đốc công ty thay cho TH.

Đến tháng 7 năm 2013 TH không làm tại công ty nữa, ra ngoài mở công ty riêng. Lúc này anh H, Chị D, anh Công mới góp vốn thêm vào công ty để hoạt động, còn TH vẫn nắm giữ 36% vốn góp của công ty nhưng không góp tiền vào công ty. Sau đó công ty làm ăn thua lỗ nên ngưng hoạt động, anh H chuyển sang làm nhân viên cho công ty của anh Võ Phi K, còn TH mở một công ty khác và yêu cầu anh H xác nhận công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ viễn thông Công nghệ Số có nợ TH số tiền là 239.000.000 đồng (trong đó 200.000.000 đồng tiền là tiền Chị D mua vốn góp của TH và 39.000.000 đồng là tiền lương của TH) nhưng anh H không đồng ý vì lý do công ty làm ăn thua lỗ trong lúc TH làm Giám đốc, sau mới chuyển cho H làm Giám đốc. TH đã nhiều lần gặp anh H nhắc và đòi số tiền mà Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ viễn thông Công nghệ Số còn nợ TH. Sau đó H có ký giấy xác nhận với nội dung là công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ viễn thông Công nghệ Số chưa trả cho TH số tiền 200.000.000 đồng là tiền Chị D mua phần vốn góp của TH.

Đến đầu tháng 7 năm 2015, TH gặp Nguyễn Bá TR tại quán cà phê NPL trên đường DD, quận X. TH nói cho TR biết là anh H đang thiếu nợ TH số tiền 239.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu đồng), TH đã đòi nhiều lần nhưng anh H không trả, TH nhờ TR đòi nợ dùm. Sau đó TR, Trần Đình P đến quán cà phê trên gặp TH. TR giới thiệu P với TH. TH nói lại sự việc H nợ tiền 239.000.000 đồng, TH nhờ TR và P đòi nợ dùm, hứa chia không quá 50% số tiền đòi được. P và TR đồng ý. TH đưa giấy xác nhận nợ của anh H và viết hợp đồng ủy quyền cho P để P, TR đòi nợ thay TH. TH trực tiếp trao đổi cách thức đòi nợ với P, có TR ngồi cùng. Mấy ngày sau P rủ Lê T đến quán cà phê ở quận X gặp TH. Khi gặp mặt, TH nói lại việc anh H nợ tiền TH, TH nói với P và Lê T chỉ hăm dọa cho anh H sợ trả tiền, không được đụng tay đụng chân với anh H. TH nói sẽ hện anh H ra quán cà phê nói chuyện và kêu P, Lê T ra cho biết mặt anh H để đòi nợ.

Lê T tiếp tục rủ thêm Mai Anh T và đối tượng tên Mèo (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) cùng tham gia và hứa sẽ trả tiền công.

Ngày 20/7/2015, TH hẹn anh H đến quán Hi Cà phê, số 905 DHT, Phường 1, Quận 5 và anh H đồng ý. TH liền điện thoại nói cho P biết địa điểm gặp anh H, P rủ thêm Lê T cùng đi đòi nợ và cả hai đến quán trên ngồi ở bàn khác để biết mặt anh H.

Khi đến quán cà phê trên thì Lê T gọi điện thoại cho đối tượng tên Mèo và Mai Anh T đến. Một lúc sau, Mèo chở Mai Anh T đến và ngồi riêng một bàn.

Anh H đến quán gặp TH ngồi nói chuyện với TH ở một bàn khác, TH yêu cầu anh H giới thiệu khách hàng cho TH và đến công ty của TH làm việc nhưng anh H không đồng ý. Lúc này TH yêu cầu anh H phải trả số tiền 239.000.000 đồng trong đó số tiền 200.000.000 đồng là số tiền 30% số tiền góp vốn TH đã bán cho Chị D và 39.000.000 đồng là tiền lương của TH trong thời gian làm việc cho công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Viễn Thông Công Nghệ Số, nhưng anh H không đồng ý. TH lấy điện thoại nhắn tin cho P qua nói chuyện với anh H. P, Lê T qua bàn của TH ngồi thì TH giới thiệu P và Lê T là đàn em của TH sẽ trực tiếp giải quyết số tiền nợ giữa TH với anh H rồi TH bỏ ra về.

Lúc này P ngồi cạnh bên H còn Lê T ngồi đối diện yêu cầu anh H trả số tiền trên cho TH nhưng anh H không đồng ý thì Lê T có lời nói đe dọa anh H, nếu anh H không trả tiền thì cả gia đình anh H sẽ bị xử và đưa anh H vào bệnh viện cắt thận bán để trừ nợ. Do lo sợ lời đe dọa của Lê T nên anh H gọi điện thoại nhờ anh Võ Phi K đến để giải quyết, một lúc sau anh Khanh cùng hai người bạn đến.

Thấy phía anh H có đông người, đồng thời để tăng thêm phần sức ép cho anh H nên Lê T ra hiệu cho Mai Anh T và đối tượng Mèo tới ngồi chung bàn. Lê T nói nếu không thanh toán số tiền trên thì sẽ đưa anh H đi, nói xong Lê T đứng dậy, P ngồi cạnh bên đứng dậy nhưng chưa làm gì anh H thì anh Khanh ngăn cản lại nói sẽ cho anh H mượn tiền để thanh toán số nợ trên, nhưng anh Khanh nói tiền để tại nhà ở Quận 4 không mang theo. Lúc này Lê T chở anh Khanh về nhà tại đường Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4 lấy số tiền 50.000.000 đồng rồi quay lại quán Hi Cà phê để đưa tiền cho anh H trả nợ. Anh H đưa cho P, Lê T số tiền là 50.000.000 đồng nhưng Lê T, P không chịu nhận vì cho rằng số tiền trả quá ít và yêu cầu anh H phải trả thêm. Anh H lấy 30.000.000 đồng trong túi xách gộp vào đưa cho P, Lê T tổng cộng là 80.000.000 đồng.

Lê T nhận số tiền trên còn P thì làm giấy nhận tiền nhưng không đưa cho anh H giữ biên nhận. Anh H dùng máy điện thoại chụp hình giấy biên nhận và giấy chứng minh nhân dân của P. Lê T giao hẹn với anh H hạn cuối đến ngày 5/8/2015 phải thanh toán hết số tiền còn lại là 159.000.000 đồng, Lê T đe dọa nếu không trả số tiền trên thì sẽ đưa anh H vào bệnh viện cắt thận để bán trừ nợ và còn hăm dọa thêm “tao biết vợ con mày ở đâu mày làm đừng để vợ con mày phải chịu”. Lê T đưa số tiền trên cho P và cả bốn đối tượng bỏ đi. Cả nhóm cùng

thống nhất chia cho Mèo 10.000.000 đồng, Mai Anh T 5.000.000 đồng, P 30.000.000 đồng và Lê T 35.000.000 đồng.

P điện thoại báo cho TH biết đã lấy được số tiền 80.000.000 đồng từ anh H trả nhưng đã bị đồng bọn giật lấy mất và hứa chịu TRh nhiệm với số tiền trên.

Đến ngày 05/8/2015, anh H hẹn TH 11 giờ 30 phút cùng ngày ra quán Hi Cà phê để thanh toán số tiền còn lại. TH điện thoại báo cho TR. TH, TR gặp nhau tại quán cà phê NPL đường DD, quận Y. TH kêu TR điện thoại báo cho P vì TH không điện thoại cho P được và TH kêu TR khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày đến Hi Cà phê hỗ trợ TH nhận tiền. TR đồng ý.

TR gọi P, Lê T gọi Mai Anh T, Mèo đến quán Hi Cà phê. Khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày, TH đến quán gặp anh H và anh Khanh. Lúc này TH nhắn tin cho nhóm của TR biết, TR cùng Lê T đến ngồi chung bàn với TH, còn P, Mai Anh T, Mèo và đối tượng tên Ra ngồi bàn dưới tầng trệt để chờ hỗ trợ. TH yêu cầu anh H phải trả 159.000.000 đồng cho TH, anh H lấy trong túi xách ra một cọc tiền đưa cho TH và nói với TH là 50.000.000 đồng (nhưng Thực tế chỉ có 41.000.000 đồng), còn Khanh lấy tờ séc ngân hàng Vietcombank ghi trị giá 109.000.000 đồng và hỏi ai là người đứng tên trên tờ séc. Lê T đòi đứng tên nhưng TH không cho, TH kêu TR đứng tên. Nguyễn Bá TR đã đọc thông tin họ tên của mình để anh Khanh ghi vào tờ séc đồng thời TR ký tên người lĩnh tiền rồi đưa tờ séc cho TH. Sau đó, TR xuống tầng trệt hút thuốc. TH cần tiền và tờ séc, viết giấy xác nhận đã nhận đủ số tiền 239.000.000 đồng đưa cho anh H. Khi TH và Lê T định bỏ về thì lực lượng Công an ập vào bắt quả tang, riêng TR đã trốn thoát.

Tiếp đó Công an Quận 5 phát hiện Trần Đình P và Nguyễn Văn Ra đang ngồi ở bàn khác nên đưa cả bốn đối tượng trên về Công an Phường 1, Quận 5 lập hồ sơ xử lý.

Đối với Mai Anh T và đối tượng Mèo đã bỏ đi ăn sáng trước đó, qua truy xét Công an Quận 5 đã bắt được Mai Anh T, riêng đối tượng Mèo hiện chưa xác định được lai lịch và địa chỉ.

Đối với Nguyễn Bá TR qua xác minh đã đi khỏi địa phương, không rõ ở đâu. Đối với Nguyễn Văn Ra là người quen của TR được TR rủ đi uống cà phê. Ra không biết và không tham gia cưỡng đoạt tiền của anh H.

Vật chứng của vụ án:

- Số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng): Trần Đình P đã nộp lại 30.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị X là mẹ của Lê T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh H số tiền là 35.000.000 đồng; chị Lăng Thị Diễm K là vợ của Mai Anh T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh H số tiền là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 70.000.000 đồng đã trả lại anh H. Còn lại 10.000.000 đồng đối tượng “Mèo” nhận không thu hồi được.

- 01(một) tờ séc ngân hàng Vietcombank trị giá 109.000.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu đồng) (lưu trong hồ sơ).

- Số tiền 41.000.000 đ (bốn mươi một triệu đồng) đã trả cho anh H.
- 01 (một) biên lai giao nhận số tiền 239.000.000 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu đồng)(lưu trong hồ sơ).
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 (thu của Chu Thiết TH).

Tại Bản cáo trạng số 174/CTr-VKS ngày 14/11/2016 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P, Mai Anh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án số 201/2016/HSST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân Quận 5 đã xét xử các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P, Mai Anh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 của Bộ luật hình sự; tuyên phạt TH 07 năm tù, Lê T 07 năm 06 tháng tù; P 07 năm 06 tháng tù; Mai Anh T 05 năm tù.

Sau khi xét xử sơ thẩm thì các bị cáo Chu Thiết TH, Trần Đình P, Lê T kháng cáo.

Ngày 02/11/2016 Công an Quận 5 đã ra quyết định truy nã. Ngày 17/5/2017 TR bị bắt giữ theo lệnh truy nã.

Tại bản án phúc thẩm số 325/2017/HSPT ngày 29/6/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi điều tra lại theo thủ tục chung, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đã ra Bản cáo trạng số 13/Ctr-VKS ngày 10/01/2018 truy tố bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P, Mai Anh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135; truy tố Nguyễn Bá TR về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P, Mai Anh T, Nguyễn Bá TR phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Về hình phạt:

1/ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt **Chu Thiết TH 07 (bảy) năm 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 05/8/2015 đến ngày 14/8/2015.

2/ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt **Lê T 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2015.

3/ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt **Trần Đình P 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2015.

4/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt **Nguyễn Bá TR 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2017.

5/ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 điều 7; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14;

Xử phạt **Mai Anh T 05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2015.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2018, bị cáo Trần Đình P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 15/6/2018, bị cáo Nguyễn Bá TR có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 18/6/2018, bị cáo Lê T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 22/6/2018, bị cáo Chu Thiết TH có đơn kháng cáo xin xem xét lại bản án sơ thẩm vì đã xét xử không đúng người, đúng tội. Đồng thời, bị cáo xin được chuyển khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Chu Thiết TH, Trần Đình P, Nguyễn Bá TR và Lê T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Chu Thiết TH trình bày: Bị cáo chỉ ủy quyền cho Trần Đình P Thực hiện việc thu hồi số tiền của bị cáo theo quy định của pháp luật nhưng bị cáo P đã Thực hiện hành vi vượt quyền. Sau khi bị cáo P đã lấy được 80 triệu đồng thì chiếm đoạt luôn số tiền đó và không đưa lại cho bị cáo, P từng khai tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/6/2017 là P chiếm đoạt số tiền để gửi về quê trả nợ; số tiền 41.000.000 đồng do anh H tự nguyện đưa cho bị cáo, còn tám séc ghi số tiền là 109.000.000 đồng Thực chất không có tiền trong tài khoản để rút và hình thức cũng không hợp lệ. Từ đó bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm không truy cứu TRh nhiệm hình sự đối với giá trị tám séc ghi số tiền là 109.000.000 đồng, chuyển khung hình phạt đối với bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu: Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và mức án phù hợp với tính chất cũng như mức độ của hậu quả đã xảy ra. Từ đó đại diện Viện

kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và y án sơ thẩm.

Bị cáo Chu Thiết TH bào chữa: Việc bị cáo nhờ P đòi lại tiền nợ từ anh H là suy nghĩ ban đầu của bị cáo và bị cáo chỉ bàn giao anh H cho P và Lê T rồi về, bị cáo không nghĩ P, T có những hành vi thái quá như vậy, bị cáo sau đó cũng bị P chiếm đoạt tiền trong vụ án nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình. Đồng thời đề nghị luật sư bào chữa cho bị cáo.

- Luật sư Trịnh Bá T bào chữa cho bị cáo Chu Thiết TH phát biểu: Cấp sơ thẩm còn chưa làm rõ nhiều vấn đề như tiền chuyển nhượng cổ phần thuộc về TH hay thuộc về công ty để từ đó làm rõ việc TH đòi tiền anh H là đúng hay sai. Đồng thời tại bản án sơ thẩm thì bị cáo P nói là có đe dọa, tại bản phúc thẩm lần 1 thì bị cáo P nói là không có sự đe dọa, sau khi điều tra và xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay thì P lại nói là có. Mặt khác P thỏa thuận với TH là khi nhận được tiền thì phải báo ngay nhưng P lại chia cho người khác, có thể thấy đây là hành vi thái quá của bị cáo so với thỏa thuận ban đầu. Do P có hẹn trước với bị hại nên vào ngày 05/8 thì bị cáo P tự đến quán cà phê đúng ngày hẹn với anh H, chứ bị cáo TH không gọi cho P, luật sư Thân cho rằng anh H đã gọi cho công an từ trước nên mới chủ động hẹn và gọi cho P nhiều lần để hẹn đến quán cà phê vào ngày 05/8.

Án sơ thẩm lần 1 không đề cập đến cấu thành hình thức, đến bản án sơ thẩm lần 2 đã nhắc đến cấu thành hình thức nhưng có đề cập rõ thêm về định lượng của tội danh để tăng nặng hình phạt, do đó luật sư cho rằng việc làm rõ định lượng trong vụ án này là rất quan trọng. Tuy nhiên, đối với việc giám định hình thức của tấm séc thì cơ quan điều tra chưa đưa cơ quan định giá vào trong quá trình giải quyết vụ án là chưa đầy đủ, bởi nếu séc không có giá trị và không hợp lệ nhưng được ban hành thì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm khác trong vụ án này.

Từ đó luật sư Thân đề nghị trường hợp Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của Viện Kiểm sát về vấn đề tấm séc thì đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo bởi lẽ bị cáo TH cũng thừa nhận bản thân là nguyên nhân cho sự việc phạm tội, nhưng bị cáo không chủ mưu và cũng không quanh co chối tội mà chỉ trình bày hết sự thật khách quan của vụ việc. Do đó bị cáo cũng đã xin được xem rõ lại giá trị của tấm séc và xin được hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Bá TR bào chữa: Theo cách hiểu của bị cáo thì bị cáo không có hành vi phạm tội. Tại thời điểm ban đầu khi bị cáo TH hỏi bị cáo có giúp đòi tiền được hay không thì bị cáo có về hỏi P để đi giúp TH, tuy nhiên sau đó mọi chuyện đều do TH và P bàn bạc, bị cáo không biết gì về số tiền chiếm đoạt và cách thức đòi tiền của nhóm P. Tại phiên tòa, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo, cũng như xin giảm nhẹ cho bản thân với mức án thấp nhất, đồng thời đề nghị luật sư bào chữa cho bị cáo.

- Luật sư Trịnh Văn T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá TR phát biểu: Về lời khai của TR về việc đi đòi nợ thì chỉ có thỏa thuận giữa TH và P, không có thỏa thuận gì với TR về thu lợi khi đòi nợ, do đó cần xem xét lại hành vi của TR. Bản án sơ thẩm lần 2 chỉ căn cứ vào lời khai ban đầu của các bị cáo là chưa đủ cơ sở, bởi các lời khai của TR trong các bản khai là rất mâu thuẫn, thậm chí là chưa hợp logic trong cùng một bản khai. Có cơ sở để cho rằng TR không biết nhóm của P đi đe dọa và đi đòi nợ như thế nào, bởi chỉ sau 02 ngày từ lúc TR đưa P đến gặp TH thì P đã bỏ đi không ở chung với TR, nếu TR biết và đồng phạm với P thì TR phải hỏi P để đi chung hoặc yêu cầu chia tiền, Thực tế P không chia tiền cho TR.

Vào ngày 05/8, khi gần đến quán cà phê Hi thì TH có nhắn là “Tụi nó đông lắm”, nhưng do trước đó TH có kể cho TR về việc P lấy tiền của bị cáo nên lúc đó bị cáo mới nhắn lại là “Tiền của anh anh giữ”, tức bị cáo nghĩ TH giữ tiền chứ không đưa cho P. Khi TH nhờ ký séc thì TR chỉ nghĩ giúp đỡ cho bạn bè nên mới nhận lời và hoàn toàn không có hành vi đe dọa anh H. Do đó không có cơ sở để cho rằng TR đồng phạm trong việc chiếm đoạt tiền của anh H. Mặt khác lời khai của người làm chứng ngày 05/8 thì không nghe thấy ai đe dọa, nhưng lời khai của anh H là bị hại lại khai rằng nghe TR đe dọa. Như vậy lời khai của anh H là mâu thuẫn nhưng chưa được làm rõ.

Đối với tầm séc, luật sư cho rằng ngay từ đầu thì tầm séc đã không có giá trị mà chỉ là cách thức để anh H phối hợp với cơ quan công an đưa các bị cáo vào xử lý hình sự. Đồng thời, với việc tầm séc không có giá trị cũng ảnh hưởng đến việc định lượng của vụ án. Từ đó luật sư đề nghị không tính giá trị số tiền trên séc để định khung hình phạt đối với các bị cáo, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo TR ở mức thấp nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Đối với việc làm rõ khoản nợ giữa anh H và TH thì không phải là vấn đề cần làm rõ trong vụ án bởi lẽ TH muốn được nhận số tiền như đã nêu nhưng cách thức mà TH cùng đồng phạm đã Thực hiện là trái luật, có sự cưỡng đoạt trái với ý chí của bị hại.

Đối với việc TH và TR có ý thức đe dọa bị hại hay không thì cần xem xét đến lý do mà P biết anh H, đó là do TR đưa P đến gặp TH vì TR biết TH đang cần đòi nợ, sau đó TH đưa cả nhóm đến gặp anh H để yêu cầu trả tiền, thậm chí P còn có lời khai là khi gặp anh H thì TH nói “*Để đàn em làm việc với anh H*”. Đối với TR, khi TH nói “*Tụi nó đông lắm*” và TR nhắn lại “*Có gì anh alo cho em*”, thể hiện rõ ý chí giúp sức của bị cáo TR trong việc chiếm đoạt tiền của bị hại vào ngày 05/8. Như vậy, về tổng thể và xâu chuỗi các sự kiện cho thấy đủ cơ sở để xác định TH và TR đã biết rõ từ trước cách thức đòi nợ của nhóm P là như thế nào và đồng tình với kết quả mà nhóm của P đã Thực hiện. Đối với nội dung luận tội của Viện kiểm sát có đề cập đến tầm séc không có giá trị, nhưng với lập luận như đã nêu trên về việc các bị cáo đã có ý thức ngay từ đầu là chiếm đoạt số tiền của bị hại, do đó hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Luật sư Trịnh Bá T bào chữa bổ sung: Đề nghị làm rõ tại sao vụ việc không bị điều tra làm rõ từ khi các bị cáo chiếm đoạt 80 triệu mà lại phát sinh thêm việc chiếm đoạt séc không có giá trị, thể hiện sự việc như một vở kịch của bị hại và cơ quan điều tra. Ngoài ra cần làm rõ sự thái quá của các đồng phạm trong vụ án để phân hóa vai trò trong vụ án, bị cáo TH không thể gánh chịu TRh nhiệm do sự thái quá của các bị cáo và sự hiểu biết sai lệch của các bị cáo khác khi thỏa thuận đòi tiền với bị cáo TH. Vào lần 2 trả tiền ngày 05/8/2015 chính anh H cũng khai rằng, anh H gọi cho TH đến quán cà phê để đưa tiền chứ không phải do TH gọi trước. TH khai việc rủ TR đi theo cũng chỉ là để tăng thêm sự tin tưởng và an tâm, không có cơ sở để cho rằng bị cáo có ý thức cưỡng đoạt anh H.

- Bị cáo Lê T và Trần Đình P không tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được về với gia đình, vì các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính trong gia đình.

Qua phần đối đáp, Đại diện Viện kiểm sát và luật sư Thân giữ nguyên quan điểm bào chữa. Riêng luật sư Tiến bào chữa bổ sung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo TR mới biết là việc đòi nợ thuê như vậy là không đúng pháp luật và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị xem xét tất cả các tình tiết để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, luật sư, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 13/6/2018, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, đến ngày 14/6/2018, bị cáo Trần Đình P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 15/6/2018, bị cáo Nguyễn Bá TR kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 18/6/2018, bị cáo Lê T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 22/6/2018, bị cáo Chu Thiết TH kháng cáo xin xem xét lại bản án sơ thẩm vì đã xét xử không đúng người, đúng tội, đồng thời, bị cáo TH xin được chuyển khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Đơn kháng cáo của các bị cáo đều được lập trong trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê T, Trần Đình P và Nguyễn Bá TR đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, riêng bị cáo Chu Thiết TH vẫn cho rằng bị cáo không phạm tội đối với tấm séc ghi số tiền 109.000.000 đồng, tuy nhiên qua lời khai của chính bị cáo TH, lời khai của các bị cáo khác và lời khai của bị hại có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

TH và TR có quen biết nhau, TH có kể cho TR việc anh H thiếu nợ TH và kêu TR đòi nợ giúp cho TH, TH sẽ chia cho TR 50% số tiền đòi được. TR sau đó đã giới thiệu P cho TH. Tại quán cà phê NPL trên đường DD, quận Y, TH kể lại việc anh H thiếu nợ số tiền 239 triệu đồng và nhờ TR, P đòi nợ, hứa chia 50% số tiền đòi được. TH nói với TR, P chỉ hăm dọa, không được động tay chân

đối với H.

Ngày 20/7/2015, TH hẹn anh H đến quán Hi Cà phê, số 905 DHT, Phường 1, Quận 5 và anh H đồng ý. TH liên điện thoại nói cho P biết địa điểm gặp anh H, P rủ thêm Lê T cùng đi đòi nợ và cả hai đến quán trên ngồi ở bàn khác để biết mặt anh H. Khi đến quán cà phê trên thì Lê T gọi điện thoại cho đối tượng tên Mèo và Mai Anh T đến. Một lúc sau, Mèo chở Mai Anh T đến và ngồi riêng một bàn Anh H đến quán gặp TH ngồi nói chuyện với TH ở một bàn khác, TH yêu cầu anh H giới thiệu khách hàng cho TH và đến công ty của TH làm việc nhưng anh H không đồng ý. Lúc này TH yêu cầu anh H phải trả số tiền 239.000.000 đồng trong đó số tiền 200.000.000 đồng là số tiền 30% số tiền góp vốn TH đã bán cho Chị D và 39.000.000 đồng là tiền lương của TH trong thời gian làm việc cho công ty TRh nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ Viễn Thông Công Nghệ Số, nhưng anh H không đồng ý. TH lấy điện thoại nhắn tin cho P qua nói chuyện với anh H. P, Lê T qua bàn của TH ngồi thì TH giới thiệu P và Lê T là đàn em của TH sẽ trực tiếp giải quyết số tiền nợ giữa TH với anh H rồi TH bỏ ra về. Lúc này P ngồi cạnh bên H còn Lê T ngồi đối diện yêu cầu anh H trả số tiền trên cho TH nhưng anh H không đồng ý thì Lê T có lời nói đe dọa anh H, nếu anh H không trả tiền thì cả gia đình anh H sẽ bị xử và đưa anh H vào bệnh viện cắt thận bán để trừ nợ. Do lo sợ lời đe dọa của Lê T nên anh H gọi điện thoại nhờ anh Võ Phi K đến để giải quyết. Tại quán cà phê, anh Khanh nói sẽ cho anh H mượn tiền để thanh toán số nợ trên và cùng với Trần Đình P, Lê T về nhà ở Quận 4 để lấy tiền. Anh H đã đưa cho P và Lê T tổng cộng là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, P điện thoại báo cho TH biết đã lấy được số tiền 80.000.000 đồng từ anh H trả nhưng đã bị đồng bọn giật lấy mất và hứa chịu TRh nhiệm với số tiền trên. TR không cùng nhóm P đi gặp anh H để đòi tiền, không được chia tiền nên TR không phải chịu TRh nhiệm về lần đòi tiền này.

Đến ngày 05/8/2015, sau khi anh H hẹn TH khoảng 11 giờ 30 cùng ngày đến Hi Cà phê tại số 905 DHT, Phường 1 Quận 5 sẽ đưa nốt số tiền còn lại là 159.000.000 đồng. Trước đó TH có nói cho TR biết việc nhóm P đã lấy của H 80.000.000 đồng nhưng không đưa cho TH, TH kêu TR điện thoại hẹn P đến Hi Cà phê lấy nốt số tiền còn lại H trả và kêu TR cùng đi để hỗ trợ TH lấy tiền. TR đã đồng ý và đến địa điểm hẹn, ngồi chờ hỗ trợ. Khi gặp anh H, Lê T đòi ký tờ Sec thì TH không cho mà nói TR ký séc. Sau khi ký séc, TR xuống dưới tầng trệt hút thuốc để TH ở trên lầu làm giấy đã nhận đủ số tiền 239.000.000 đồng. Khi lên trở lại thì biết TH và đồng bọn đã bị bắt nên bỏ trốn. Dù các bị cáo TR, TH, P có nhiều lời khai mâu thuẫn với nhau về những nội dung liên quan đến sự tham gia của TR, nhưng lời khai ban đầu của các bị cáo cùng với các chứng cứ khác có trong vụ án đều phù hợp với nhau, đều thể hiện rõ việc bị cáo TR đã cùng bị cáo P tiếp nhận được nội dung yêu cầu đòi nợ và phương thức đòi nợ của TH là dùng lời nói hăm dọa đối với anh H để anh H sợ mà đưa tiền, TR và P được TH hứa chi 50% /số tiền đòi được. Thực tế đến ngày 05/8/2015, tất cả các bị cáo lại hẹn nhau (trong đó bị cáo TR chính là người đã liên lạc điện thoại hẹn

P) đến Hi Cà phê để lấy tiếp số tiền còn lại của anh H.

Như vậy, các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P, Mai Anh T, Nguyễn Bá TR đã có hành vi dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần người bị hại, đe dọa bằng lời nói sẽ xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại và người thân để khiến người bị hại hoảng sợ nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P, Mai Anh T, Nguyễn Bá TR đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử các bị cáo trong trường hợp phạm tội có tính chất đồng phạm và cùng có tội danh như nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bởi lẽ tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cấu thành về hình thức.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy tẩm séc ghi số tiền là 109.000.000 đồng nhưng Thực chất tại thời điểm ký ban hành tờ séc thì trong tài khoản không có đủ số tiền này để rút và hình thức tờ séc cũng không hợp lệ. Trên nguyên tắc có lợi cho các bị cáo thì Hội đồng xét xử không truy cứu TRh nhiệm hình sự đối với giá trị tẩm séc ghi số tiền là 109.000.000 đồng vì khoản 2 đến khoản 4 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 lại có cấu thành về vật chất để định khung hình phạt. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ tính số tiền Thực tế mà các bị cáo đã chiếm đoạt để định khung hình phạt đối với từng bị cáo, cụ thể như sau:

Các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P, Mai Anh T Thực tế chiếm đoạt của bị hại là 121.000.000 đồng (cụ thể là khoản tiền 80.000.000 đã chiếm đoạt ngày 20/7/2015 và khoản tiền 41.000.000 đồng Thực tế đã chiếm đoạt ngày 05/8/2015), thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2019. Đối với bị cáo Nguyễn Bá TR Thực tế giúp sức cho bị cáo TH chiếm đoạt của bị hại số tiền là 41.000.000 đồng thuộc quy định tại khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2019.

[3] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo:

Khi lượng hình thì Tòa án nhân dân Quận 5 đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là: các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Bị cáo P, Lê T, Mai Anh T đã khai báo rõ về hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn, hối cải; Các bị cáo P, Lê T, Mai Anh T có tác động đến gia đình để gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, chỉ còn 10 triệu chưa thu hồi được của đối tượng tên Mèo. Bị cáo P có ông nội là liệt sỹ, bị cáo là lao động chính nuôi 02 con nhỏ, tại phiên tòa đã tự nguyện bồi thường cho bị hại nốt 10.000.000 đồng chưa thu hồi được từ đối tượng tên Mèo; bị cáo TH có Cha, Mẹ được nhà nước tặng Huân, Huy chương kháng chiến, bị cáo là lao động chính nuôi mẹ và 2 con còn nhỏ. Từ đó cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Đình P, Lê T, Mai

Anh T; áp dụng khoản 2 Điều 46 đối với các bị cáo Chu Thiết TH và Nguyễn Bá TR để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Riêng bị cáo TH và TR khai báo quanh co, không thừa nhận hành vi phạm tội nên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Chu Thiết TH và Nguyễn Bá TR tại phiên tòa phúc thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và riêng bị cáo Nguyễn Bá TR cung cấp chứng cứ mới bản thân là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Mặt khác, khi xét xử sơ thẩm thì cấp sơ thẩm có thiếu sót khi không áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo TH và TR là: các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn vì số tiền các bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại và không có hưởng lợi gì trong số tiền này. Do đó, các bị cáo TH và TR được hưởng các tình tiết giảm theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Với các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo cùng các lập luận như đã nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P và Nguyễn Bá TR để giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm được hòa nhập cộng đồng. Riêng yêu cầu kháng cáo của bị cáo TH xin được hưởng án treo là không có cơ sở để xem xét.

[4] Căn cứ vào khoản 3 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự thì Hội đồng xét xử có thể sửa bản án đối với bị cáo không bị kháng cáo kháng nghị, như lập luận trên thì bị cáo Mai Anh T được cấp sơ thẩm tuyên xử 05 (năm) tù là quá nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử thấy vai trò của Mai Anh T là đồng phạm giúp sức, nên Hội đồng xét xử cũng thấy cần thiết phải giảm một phần hình phạt cho bị cáo T.

[5] Những lập luận trên đây là căn cứ để không chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về đề nghị xử y án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Lập luận trên cũng là cơ sở để chấp nhận một phần quan điểm bào chữa về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo TH và TR của các luật sư đã trình bày tại phiên tòa, cũng như chấp nhận lời trình bày của bị cáo TH, Lê T, P và TR về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình

sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P và Nguyễn Bá TR; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tuyên bố các bị cáo Chu Thiết TH, Lê T, Trần Đình P, Mai Anh T, Nguyễn Bá TR phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

3. Xử:

3.1/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Áp dụng điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt **Chu Thiết TH** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 05/8/2015 đến ngày 14/8/2015.

3.2/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt **Lê T** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2015.

3.3/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt **Trần Đình P** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2015.

3.4/ Áp dụng khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; áp dụng điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt **Nguyễn Bá TR** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2017. Tính đến thời điểm tuyên án thì bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nên Hội đồng xét xử quyết định trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

3.5/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt **Mai Anh T** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2015.

4. Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 5; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA Quận 5; (1)
- Bị cáo; (5)
- Trại giam; (3)
- Người bào chữa; (2)
- TAND Quận 5; (2)
- Công an Quận 5; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (30) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn

ngợi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.